

Phụ lục 9: Hướng dẫn mã hóa dữ liệu điện tử (file XML) đối với dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 theo quy định tại Thông tư số 16/2021/TT-BYT ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế
(Ban hành kèm theo Quyết định số /BYT-BH ngày tháng năm của Bộ Y tế)

STT	Trường hợp áp dụng	Mã hóa dữ liệu XML đề nghị thanh toán BHYT		
		Bảng	Chỉ tiêu	Diễn giải/Mã hóa
1. Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh theo quy định tại Mục I Phụ lục I Thông tư 16/2021/TT-BYT				
1,1	Dịch vụ xét nghiệm	Bảng 3	MA_DICH_VU	Ghi mã dịch vụ xét nghiệm: 24.0108.1720.SC2
			TEN_DICH_VU	Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh
			DON_GIA	Ghi đơn giá: 16.400
1,2	Sinh phẩm xét nghiệm được Bộ Y tế cấp số đăng ký lưu hành	Bảng 3	MA_VAT_TU	Ghi mã sinh phẩm: KN.SYYYY.Z.24.0108.1720
			TEN_VAT_TU	Ghi tên thương mại của sinh phẩm
			DON_GIA	Ghi đơn giá theo hóa đơn mua vào
			TT_THAU	Ghi thông tin thầu của sinh phẩm theo hướng dẫn tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Quyết định này
1,3	Sinh phẩm xét nghiệm được Bộ Y tế cấp giấy phép nhập khẩu	Bảng 3	MA_VAT_TU	Ghi mã sinh phẩm: KN.GYYYY.Z.24.0108.1720
			TEN_VAT_TU	Ghi tên thương mại của sinh phẩm
			DON_GIA	Ghi đơn giá theo hóa đơn mua vào
			TT_THAU	Ghi thông tin thầu của sinh phẩm theo hướng dẫn tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Quyết định này
2. Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag miễn dịch tự động/bán tự động theo quy định tại Mục II Phụ lục I Thông tư 16/2021/TT-BYT				
2,1	Dịch vụ xét nghiệm	Bảng 3	MA_DICH_VU	Ghi mã dịch vụ xét nghiệm: 24.0110.1717.SC2; trường hợp cơ sở y tế chuyển mẫu bệnh phẩm sang cơ sở y tế khác để thực hiện xét nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-BYT thì ghi mã dịch vụ xét nghiệm như sau: 24.0110.1717.SC2.K.XXXXX
			TEN_DICH_VU	Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag miễn dịch tự động/bán tự động
			DON_GIA	Ghi đơn giá: 38.500
2,2	Sinh phẩm xét nghiệm được Bộ Y tế cấp số đăng ký lưu hành	Bảng 3	MA_VAT_TU	Ghi mã sinh phẩm: KN.SYYYY.Z.24.0110.1717; trường hợp cơ sở y tế chuyển mẫu bệnh phẩm sang cơ sở y tế khác để thực hiện xét nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-BYT thì ghi mã sinh phẩm như sau: KN.SYYYY.Z.24.0110.1717.K.XXXXX
			TEN_VAT_TU	Ghi tên thương mại của sinh phẩm
			DON_GIA	Ghi đơn giá theo hóa đơn mua vào
			TT_THAU	Ghi thông tin thầu của sinh phẩm theo hướng dẫn tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Quyết định này

2,3	Sinh phẩm xét nghiệm được Bộ Y tế cấp giấy phép nhập khẩu	Bảng 3	MA_VAT_TU	Ghi mã sinh phẩm: KN.GYYYY.Z.24.0110.1717; trường hợp cơ sở y tế chuyển mẫu bệnh phẩm sang cơ sở y tế khác để thực hiện xét nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-BYT thì ghi mã sinh phẩm như sau: KN.GYYYY.Z.24.0110.1717.K.XXXXX
			TEN_VAT_TU	Ghi tên thương mại của sinh phẩm
			DON_GIA	Ghi đơn giá theo hóa đơn mua vào
			TT_THAU	Ghi thông tin thầu của sinh phẩm theo hướng dẫn tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Quyết định này
3. Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu đơn theo quy định tại Mục III Phụ lục I Thông tư 16/2021/TT-BYT				
3,1	Dịch vụ xét nghiệm	Bảng 3	MA_DICH_VU	Ghi mã dịch vụ xét nghiệm: 24.0235.1719.SC2.B1; trường hợp cơ sở y tế chuyển mẫu bệnh phẩm sang cơ sở y tế khác để thực hiện xét nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-BYT thì ghi mã dịch vụ xét nghiệm như sau: 24.0235.1719.SC2.B1.K.XXXXX
			TEN_DICH_VU	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR
			DON_GIA	Ghi đơn giá: 166.800
3,2	Sinh phẩm xét nghiệm được Bộ Y tế cấp số đăng ký lưu hành	Bảng 3	MA_VAT_TU	Ghi mã sinh phẩm: KN.SYYYY.Z.24.0235.1719; trường hợp cơ sở y tế chuyển mẫu bệnh phẩm sang cơ sở y tế khác để thực hiện xét nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-BYT thì ghi mã sinh phẩm như sau: KN.SYYYY.Z.24.0235.1719.K.XXXXX
			TEN_VAT_TU	Ghi tên thương mại của sinh phẩm
			DON_GIA	Ghi đơn giá theo hóa đơn mua vào
			TT_THAU	Ghi thông tin thầu của sinh phẩm theo hướng dẫn tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Quyết định này
3,3	Sinh phẩm xét nghiệm được Bộ Y tế cấp giấy phép nhập khẩu	Bảng 3	MA_VAT_TU	Ghi mã sinh phẩm: KN.GYYYY.Z.24.0235.1719; trường hợp cơ sở y tế chuyển mẫu bệnh phẩm sang cơ sở y tế khác để thực hiện xét nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-BYT thì ghi mã sinh phẩm như sau: KN.GYYYY.Z.24.0235.1719.K.XXXXX
			TEN_VAT_TU	Ghi tên thương mại của sinh phẩm
			DON_GIA	Ghi đơn giá theo hóa đơn mua vào
			TT_THAU	Ghi thông tin thầu của sinh phẩm theo hướng dẫn tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Quyết định này
4. Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu gộp theo quy định tại Mục IV Phụ lục I Thông tư 16/2021/TT-BYT				
4,1	Trường hợp gộp <= 5 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)			

4.1.1	Dịch vụ xét nghiệm	Bảng 3	MA_DICH_VU	Ghi mã dịch vụ xét nghiệm: 24.0235.1719.SC2. B5.TD ; trường hợp cơ sở y tế chuyển mẫu bệnh phẩm sang cơ sở y tế khác để thực hiện xét nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-BYT thì ghi mã dịch vụ xét nghiệm như sau: 24.0235.1719.SC2.B5.TD.K.XXXXX
			TEN_DICH_VU	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR
			DON_GIA	Ghi đơn giá: 94.300
4.1.2	Sinh phẩm xét nghiệm được Bộ Y tế cấp số đăng ký lưu hành	Bảng 3	MA_VAT_TU	Ghi mã sinh phẩm: KN.SYYYY.Z.24.0235.1719; trường hợp cơ sở y tế chuyển mẫu bệnh phẩm sang cơ sở y tế khác để thực hiện xét nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-BYT thì ghi mã sinh phẩm như sau: KN.SYYYY.Z.24.0235.1719.K.XXXXX
			TEN_VAT_TU	Ghi tên thương mại của sinh phẩm
			DON_GIA	Ghi đơn giá theo hóa đơn mua vào
			TT_THAU	Ghi thông tin thầu của sinh phẩm theo hướng dẫn tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Quyết định này
4.1.3	Sinh phẩm xét nghiệm được Bộ Y tế cấp giấy phép nhập khẩu	Bảng 3	SO_LUONG	Ghi số lượng bằng 1 chia cho số que gộp, làm tròn số đến 3 chữ số thập phân (Ví dụ: Gộp 05 que, số lượng ghi là 0,2)
			MA_VAT_TU	Ghi mã sinh phẩm: KN.GYYYY.Z.24.0235.1719; trường hợp cơ sở y tế chuyển mẫu bệnh phẩm sang cơ sở y tế khác để thực hiện xét nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-BYT thì ghi mã sinh phẩm như sau: KN.GYYYY.Z.24.0235.1719.K.XXXXX
			TEN_VAT_TU	Ghi tên thương mại của sinh phẩm
			DON_GIA	Ghi đơn giá theo hóa đơn mua vào
4.1.3	Sinh phẩm xét nghiệm được Bộ Y tế cấp giấy phép nhập khẩu	Bảng 3	TT_THAU	Ghi thông tin thầu của sinh phẩm theo hướng dẫn tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Quyết định này
			SO_LUONG	Ghi số lượng bằng 1 chia cho số que gộp, làm tròn số đến 3 chữ số thập phân (Ví dụ: Gộp 05 que, số lượng ghi là 0,2)
4,2	Trường hợp gộp 6 - 10 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)			
4.2.1	Dịch vụ xét nghiệm	Bảng 3	MA_DICH_VU	Ghi mã dịch vụ xét nghiệm: 24.0235.1719.SC2. B10.TD ; trường hợp cơ sở y tế chuyển mẫu bệnh phẩm sang cơ sở y tế khác để thực hiện xét nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-BYT thì ghi mã dịch vụ xét nghiệm như sau: 24.0235.1719.SC2.B10.TD.K.XXXXX
			TEN_DICH_VU	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR
			DON_GIA	Ghi đơn giá: 76.000

4.2.2	Sinh phẩm xét nghiệm được Bộ Y tế cấp số đăng ký lưu hành	Bảng 3	MA_VAT_TU	Ghi mã sinh phẩm: KN.SYYYY.Z.24.0235.1719; trường hợp cơ sở y tế chuyển mẫu bệnh phẩm sang cơ sở y tế khác để thực hiện xét nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-BYT thì ghi mã sinh phẩm như sau: KN.SYYYY.Z.24.0235.1719.K.XXXXX
			TEN_VAT_TU	Ghi tên thương mại của sinh phẩm
			DON_GIA	Ghi đơn giá theo hóa đơn mua vào
			TT_THAU	Ghi thông tin thầu của sinh phẩm theo hướng dẫn tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Quyết định này
			SO_LUONG	Ghi số lượng bằng 1 chia cho số que gộp, làm tròn số đến 3 chữ số thập phân (Ví dụ: Gộp 10 que, số lượng ghi là 0,1)
4.2.3	Sinh phẩm xét nghiệm được Bộ Y tế cấp giấy phép nhập khẩu	Bảng 3	MA_VAT_TU	Ghi mã sinh phẩm: KN.GYYYY.Z.24.0235.1719; trường hợp cơ sở y tế chuyển mẫu bệnh phẩm sang cơ sở y tế khác để thực hiện xét nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-BYT thì ghi mã sinh phẩm như sau: KN.GYYYY.Z.24.0235.1719.K.XXXXX
			TEN_VAT_TU	Ghi tên thương mại của sinh phẩm
			DON_GIA	Ghi đơn giá theo hóa đơn mua vào
			TT_THAU	Ghi thông tin thầu của sinh phẩm theo hướng dẫn tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Quyết định này
			SO_LUONG	Ghi số lượng bằng 1 chia cho số que gộp, làm tròn số đến 3 chữ số thập phân (Ví dụ: Gộp 10 que, số lượng ghi là 0,1)
4,3	Trường hợp gộp <= 5 que tại phòng xét nghiệm			
4.3.1	Dịch vụ xét nghiệm	Bảng 3	MA_DICH_VU	Ghi mã dịch vụ xét nghiệm: 24.0235.1719.SC2. B5.LB ; trường hợp cơ sở y tế chuyển mẫu bệnh phẩm sang cơ sở y tế khác để thực hiện xét nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-BYT thì ghi mã dịch vụ xét nghiệm như sau: 24.0235.1719.SC2.B5.LB.K.XXXXX
			TEN_DICH_VU	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR
			DON_GIA	Ghi đơn giá: 139.300
4.3.2	Sinh phẩm xét nghiệm được Bộ Y tế cấp số đăng ký lưu hành	Bảng 3	MA_VAT_TU	Ghi mã sinh phẩm: KN.SYYYY.Z.24.0235.1719; trường hợp cơ sở y tế chuyển mẫu bệnh phẩm sang cơ sở y tế khác để thực hiện xét nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-BYT thì ghi mã sinh phẩm như sau: KN.SYYYY.Z.24.0235.1719.K.XXXXX
			TEN_VAT_TU	Ghi tên thương mại của sinh phẩm
			DON_GIA	Ghi đơn giá theo hóa đơn mua vào
			TT_THAU	Ghi thông tin thầu của sinh phẩm theo hướng dẫn tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Quyết định này

			SO_LUONG	Ghi số lượng bằng 1 chia cho số que gộp, làm tròn số đến 3 chữ số thập phân (Ví dụ: Gộp 05 que, số lượng ghi là 0,2)
4.3.3	Sinh phẩm xét nghiệm được Bộ Y tế cấp giấy phép nhập khẩu	Bảng 3	MA_VAT_TU	Ghi mã sinh phẩm: KN.GYYYY.Z.24.0235.1719; trường hợp cơ sở y tế chuyển mẫu bệnh phẩm sang cơ sở y tế khác để thực hiện xét nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-BYT thì ghi mã sinh phẩm như sau: KN.GYYYY.Z.24.0235.1719.K.XXXXX
			TEN_VAT_TU	Ghi tên thương mại của sinh phẩm
			DON_GIA	Ghi đơn giá theo hóa đơn mua vào
			TT_THAU	Ghi thông tin thầu của sinh phẩm theo hướng dẫn tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Quyết định này
			SO_LUONG	Ghi số lượng bằng 1 chia cho số que gộp, làm tròn số đến 3 chữ số thập phân (Ví dụ: Gộp 05 que, số lượng ghi là 0,2)
4,4	Trường hợp gộp 6 - 10 que tại phòng xét nghiệm			
4.4.1	Dịch vụ xét nghiệm	Bảng 3	MA_DICH_VU	Ghi mã dịch vụ xét nghiệm: 24.0235.1719.SC2.B10.LB; trường hợp cơ sở y tế chuyển mẫu bệnh phẩm sang cơ sở y tế khác để thực hiện xét nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-BYT thì ghi mã dịch vụ xét nghiệm như sau: 24.0235.1719.SC2.B10.LB.K.XXXXX
			TEN_DICH_VU	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR
			DON_GIA	Ghi đơn giá: 122.500
4.4.2	Sinh phẩm xét nghiệm được Bộ Y tế cấp số đăng ký lưu hành	Bảng 3	MA_VAT_TU	Ghi mã sinh phẩm: KN.SYYYY.Z.24.0235.1719; trường hợp cơ sở y tế chuyển mẫu bệnh phẩm sang cơ sở y tế khác để thực hiện xét nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-BYT thì ghi mã sinh phẩm như sau: KN.SYYYY.Z.24.0235.1719.K.XXXXX
			TEN_VAT_TU	Ghi tên thương mại của sinh phẩm
			DON_GIA	Ghi đơn giá theo hóa đơn mua vào
			TT_THAU	Ghi thông tin thầu của sinh phẩm theo hướng dẫn tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Quyết định này
			SO_LUONG	Ghi số lượng bằng 1 chia cho số que gộp, làm tròn số đến 3 chữ số thập phân (Ví dụ: Gộp 10 que, số lượng ghi là 0,1)
4.4.3	Sinh phẩm xét nghiệm được Bộ Y tế cấp giấy phép nhập khẩu	Bảng 3	MA_VAT_TU	Ghi mã sinh phẩm: KN.GYYYY.Z.24.0235.1719; trường hợp cơ sở y tế chuyển mẫu bệnh phẩm sang cơ sở y tế khác để thực hiện xét nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-BYT thì ghi mã sinh phẩm như sau: KN.GYYYY.Z.24.0235.1719.K.XXXXX
			TEN_VAT_TU	Ghi tên thương mại của sinh phẩm
			DON_GIA	Ghi đơn giá theo hóa đơn mua vào
			TT_THAU	Ghi thông tin thầu của sinh phẩm theo hướng dẫn tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Quyết định này

			SO_LUONG	Ghi số lượng bằng 1 chia cho số que gộp, làm tròn số đến 3 chữ số thập phân (Ví dụ: Gộp 10 que, số lượng ghi là 0,1)
--	--	--	----------	--

Chú thích:

TT	Mã/ký hiệu viết tắt	Ý nghĩa
1	24.0108.1720	Mã dịch vụ virus test nhanh
2	24.0110.1717	Mã dịch vụ xét nghiệm virus Ag miễn dịch tự động
3	24.0235.1719	Mã dịch vụ xét nghiệm Coronavirus Real-time PCR
4	KN	Kháng nguyên
5	S	Số đăng ký
6	G	Giấy phép nhập khẩu
7	K	Cơ sở y tế khác
8	TD	Lấy mẫu tại thực địa (nơi lấy mẫu)
9	LB	Lấy mẫu tại Labo xét nghiệm
10	B1	Bệnh phẩm cho một mẫu đơn
11	B5	Bệnh phẩm gộp <= 5 que
12	B10	Bệnh phẩm gộp 6 - 10 que
13	SC2	SARS-CoV-2
14	YYYY	Năm phê duyệt số đăng ký hoặc giấy phép nhập khẩu của sinh phẩm
15	Z	Số đăng ký hoặc số giấy phép nhập khẩu của sinh phẩm (Ghi phần trước dấu gạch chéo "/", bao gồm cả ký tự số và chữ (nếu có), giữa các ký tự không có space (dấu cách)). Ví dụ: Sinh phẩm được Bộ Y tế cấp giấy phép nhập khẩu số 16266NK/BYT-TB-CT thì Z = 16266NK; sinh phẩm được Bộ Y tế cấp số đăng ký lưu hành TTB-TT-08-21 thì Z = TTBTT0821; sinh phẩm được Bộ Y tế cấp số đăng ký lưu hành 2100093ĐKLH/BYT-TB-CT thì Z = 2100093ĐKLH
16	XXXXX	Mã đơn vị nơi thực hiện xét nghiệm